

Số: 2333 /NHNN-ATHT
V/v thẩm định lại đối với dự thảo
Nghị định quy định về chương trình,
dự án tài chính vi mô của tổ chức
chính trị - xã hội, tổ chức
phi chính phủ

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Trên cơ sở ý kiến của Quý Bộ tại Báo cáo thẩm định số 176/BCTĐ-BTP ngày 15/7/2024 và Công văn số 1317/BTP-PLKTDS ngày 11/3/2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hoàn thiện hồ sơ Nghị định quy định về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ (xin đính kèm). Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, để có cơ sở trình Chính phủ ban hành Nghị định, Ngân hàng Nhà nước đề nghị Quý Bộ thẩm định lại đối với dự thảo Nghị định nêu trên.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp công tác của Quý Bộ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thống đốc (để b/c);
 - PTĐ Đoàn Thái Sơn;
 - Lưu: VP, ATHT4.
- LTTDUNG.

Đính kèm:

Bộ hồ sơ thẩm định

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đoàn Thái Sơn



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: /TTr-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) năm 2024, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 29/3/2024 ban hành Kế hoạch triển khai Luật Các TCTD, trong đó giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) là cơ quan chủ trì xây dựng Nghị định quy định về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại điểm 1 Công văn số 4196/VPCP-KTTH ngày 17/6/2024 về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với văn bản hướng dẫn Luật Các TCTD, NHNN đã xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ (dự thảo Nghị định) theo trình tự thủ tục rút gọn. NHNN xin kính trình Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý:

1.1. Cở sở chính trị:

- Tại điểm 4 Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 xác định nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm:

“4. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm nguồn lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia công tác giảm nghèo bền vững. thúc đẩy việc huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong nước và quốc tế cho công tác giảm nghèo.”

- Tại khoản 5 Mục IV Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm

2030, tầm nhìn đến năm 2045 đưa ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: “Phát triển thị trường tài chính, tín dụng vi mô, các sản phẩm dịch vụ tài chính mới, củng cố và mở rộng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, bảo đảm an toàn, hiệu quả”.

1.2. Cơ sở pháp lý:

Khoản 13 Điều 210 Luật Các TCTD năm 2024 quy định:

“Điều 210. Quy định chuyển tiếp

....

13. Chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đang thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành không phải điều chỉnh tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật này mà thực hiện theo quy định của Chính phủ.”

2. Cơ sở thực tiễn

Chương trình, dự án tài chính vi mô (chương trình, dự án TCVM) của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ hiện đang được điều chỉnh tại Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ (Quyết định số 20).

Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 20, NHNN đã tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 20 và nhận thấy cần thiết phải xây dựng Nghị định của Chính phủ thay thế Quyết định số 20 để điều chỉnh một số quy định tại Quyết định số 20 cho phù hợp với thực tế hoạt động của chương trình, dự án TCVM, đặc biệt là những quy định liên quan đến nội dung hoạt động, những thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án TCVM, nội dung hoạt động của chương trình, dự án TCVM. Những vướng mắc nêu trên đã được NHNN báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 60/TTr-NHNN ngày 11/6/2020 về việc tổng kết 02 năm thực hiện Quyết định số 20 (xin đính kèm).

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành:

Nghị định của Chính phủ quy định về chương trình, dự án TCVM là sự cụ thể hóa, quy định chi tiết khoản 13 Điều 210 Luật Các TCTD năm 2024, nhằm tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, tiếp tục thúc đẩy chương trình, dự án TCVM phát triển theo hướng ổn định, bền vững, đủ năng lực để hỗ trợ tốt

hơn nữa đối tượng khách hàng là người yếu thế trong xã hội trong việc tạo thu nhập, cải thiện đời sống.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định:

- Kế thừa các nội dung còn phù hợp tại Quyết định số 20 để đảm bảo sự thông suốt trong việc triển khai thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 20 để đảm bảo xử lý được những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn và đảm bảo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

- Phạm vi của Nghị định quy định cụ thể các vấn đề về tổ chức, hoạt động của chương trình, dự án TCVM, đảm bảo phù hợp quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh:

Dự thảo Nghị định quy định các nội dung về tổ chức, hoạt động của chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đang thực hiện trước ngày Luật Các TCTD năm 2024 có hiệu lực.

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm: (i) tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ có thực hiện chương trình, dự án TCVM; (ii) các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

- Ngày 18/01/2024, Luật Các TCTD đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024. Căn cứ theo quy định tại khoản 13 Điều 210 Luật Các TCTD, ngày 29/3/2024 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 29/3/2024 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Các TCTD, trong đó giao NHNN rà soát, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

- Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 29/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Các TCTD, NHNN đã có Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ (Tờ trình số 74/TTr-NHNN ngày 14/6/2024) và đã xây dựng dự thảo Nghị định,

lấy ý kiến rộng rãi của các bộ, ngành, đơn vị có liên quan đối với nội dung dự thảo Nghị định.

- Ngày 17/6/2024, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 4196/VPCP-KTTH gửi NHNN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái. Theo đó, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã đồng ý việc xây dựng Nghị định quy định về chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn.

- Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, Ngành và đơn vị có liên quan, NHNN đã hoàn thiện dự thảo Nghị định và đã có Công văn số 5484/NHNN-TTGSNH ngày 02/7/2024 kèm theo các hồ sơ có liên quan gửi Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp thực hiện việc thẩm định đối với dự thảo Nghị định.

- Ngày 15/7/2024, Bộ Tư pháp có Công văn số 176/BCTĐ-BTP về việc báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị định. Theo ý kiến của Bộ Tư pháp, dự thảo Nghị định cần phải được điều chỉnh về phạm vi điều chỉnh đúng với quy định tại khoản 13 Điều 210 Luật Các TCTD (chỉ điều chỉnh đối với tổ chức và hoạt động của chương trình, dự án TCVM hoạt động trước ngày Luật Các TCTD có hiệu lực thi hành). Trường hợp ban hành Nghị định có phạm vi điều chỉnh hoạt động của chương trình, dự án TCVM hoạt động trước và sau ngày Luật có hiệu lực thi hành, NHNN phải lập đề nghị xây dựng (phải trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định), báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

- Ngày 21/11/2024, NHNN có Tờ trình số 165/TTr-NHNN (Tờ trình số 165) trình Chính phủ xem xét trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một Nghị quyết về hoạt động của các chương trình, dự án TCVM được thành lập, hoạt động trước và sau ngày có hiệu lực thi hành. Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sẽ là cơ sở pháp lý để ban hành Nghị định. Trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không chấp thuận, phải ban hành Nghị định với phạm vi điều chỉnh theo khoản 13 Điều 210 Luật Các TCTD như ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, NHNN đề xuất Chính phủ cho phép lùi thời gian trình Chính phủ ban hành Nghị định sang Quý II/2025.

- Ngày 24/12/2024, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 9501/VPCP-KTTH truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phúc: "*Giao Bộ Tư pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiên cứu, có ý kiến với đề xuất của NHNN tại Tờ trình số 165 về việc trình Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc*

hội ban hành một Nghị quyết về hoạt động của các chương trình, dự án tài chính vi mô được thành lập, hoạt động trước và sau ngày Luật Các TCTD có hiệu lực thi hành; gửi NHNN trước ngày 27/12/2024 đảm bảo đúng thời hạn yêu cầu. Trên cơ sở đó, NHNN tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ xin ý kiến Chính phủ theo quy định, báo cáo Chính phủ trước ngày 28/12/2024.”.

- Ngày 11/3/2025, Bộ Tư pháp có Công văn số 1317/BTP-PLDSKT gửi NHNN theo ý kiến theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc tại Công văn số 9501/VPCP-KTTH.

- Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, NHNN đã thực hiện các bước xây dựng dự thảo Nghị định, đã hoàn thiện hồ sơ, chỉnh lý dự thảo Nghị định và các tài liệu kèm theo, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ theo quy định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục:

Dự thảo Nghị định gồm 25 Điều, chia làm 04 Chương, cụ thể như sau:

Chương I: Quy định chung, gồm 04 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; thẩm quyền chấm dứt thực hiện, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án TCVM, chấp thuận các thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án TCVM.

Chương II: Quy định cụ thể, gồm 14 Điều quy định về tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, điều hành, cơ cấu tổ chức chương trình, dự án TCVM; địa bàn, thời hạn, nội dung hoạt động; quy định nội bộ của chương trình, dự án TCVM; các thay đổi trong hoạt động của chương trình, dự án TCVM; chấm dứt hoạt động chương trình, dự án TCVM; chế độ tài chính, hạch toán kế toán; chuyển đổi thành tổ chức TCVM.

Chương III: Trách nhiệm của các đơn vị gồm 04 Điều quy định về trách nhiệm của tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện chương trình, dự án TCVM; NHNN và các bộ đối với hoạt động của chương trình, dự án TCVM.

Chương IV: Điều khoản thi hành, gồm 03 Điều quy định về chuyển tiếp, điều khoản thi hành và trách nhiệm thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định:

2.1. Về tên của dự thảo Nghị định:

Căn cứ theo quy định tại khoản 13 Điều 210 Luật Các TCTD năm 2024, để đảm bảo phản ánh đủ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của văn bản, tên của dự thảo Nghị định là “Nghị định quy định về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ”.

2.2. Đối tượng khách hàng của chương trình, dự án TCVM (khoản 2 Điều 3, điểm a(v) khoản 1 Điều 8 dự thảo):

Dự thảo Nghị định quy định khách hàng của chương trình, dự án TCVM bao gồm cá nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, cá nhân có thu nhập thấp, doanh nghiệp siêu nhỏ, không quy định đối tượng khách hàng là cá nhân thuộc hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình để đảm bảo chương trình, dự án TCVM phục vụ đúng đối tượng khách hàng mục tiêu nhằm xóa đói, giảm nghèo theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Ngoài ra, nhằm đảm bảo hoạt động của chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Hiến pháp là “...đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình”, dự thảo Nghị định đã bổ sung thêm quy định về việc cho vay của chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị - xã hội tại điểm a(v) khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị định. Cụ thể như sau:

“Điều 8. Nội dung hoạt động

1. Hoạt động cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô được thực hiện như sau:

a) Cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô theo nguyên tắc:

....

(v) Chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội chỉ cho vay khách hàng tài chính vi mô là các hội viên của tổ chức chính trị - xã hội;”.

2.3. Về khái niệm chương trình, dự án TCVM (khoản 3 Điều 3 dự thảo):

Để định dạng rõ về chương trình, dự án TCVM, căn cứ theo các quy định về chương trình, dự án tại các văn bản có liên quan, dự thảo Nghị định quy định chương trình, dự án TCVM tại khoản 3 Điều 3 dự thảo như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

....

3. Chương trình, dự án tài chính vi mô là chương trình, dự án của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được thực hiện trong khoảng thời gian xác định trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với mục đích chủ yếu để hoạt động tài chính vi mô nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng tài chính vi mô, góp phần tạo việc làm, thực hiện xóa đói, giảm nghèo và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô không phải là hoạt động ngân hàng.”.

2.4. Về nội dung hoạt động của chương trình, dự án TCVM (Điều 8 dự thảo):

a) Về các nội dung hoạt động được phép thực hiện của chương trình, dự án TCVM:

Dự thảo Nghị định kế thừa một số nội dung quy định về hoạt động của chương trình, dự án TCVM tại Quyết định số 20, có sửa đổi, bổ sung theo hướng chi tiết, cụ thể hơn để làm cơ sở cho các tổ chức thực hiện. Cụ thể, hoạt động của chương trình, dự án TCVM bao gồm: (i) Cho vay đối với khách hàng TCVM theo quy định chi tiết tại Nghị định; (ii) Vay tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, vay nước ngoài theo quy định của pháp luật; (iii) Các hoạt động khác bao gồm: nhận tiền gửi bắt buộc, nhận ủy thác cho vay; (iv) Tiếp nhận vốn tài trợ, viện trợ không hoàn lại, có hoàn lại của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; (v) Các hoạt động khác được phép thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Về hoạt động nhận tiền gửi của chương trình, dự án TCVM:

Theo thông lệ, tổ chức cung cấp dịch vụ TCVM thường có hoạt động nhận tiền gửi bắt buộc. Đây là nghiệp vụ được sử dụng nhằm mục đích giáo dục tài chính cho khách hàng tài chính vi mô. Tiền gửi bắt buộc mà các tổ chức cung cấp dịch vụ TCVM nhận có bản chất khác với tiền gửi theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. Theo đó, tiền gửi bắt buộc được coi là: (i) điều kiện để khách hàng TCVM được nhận khoản vay tài chính vi mô; (ii) khoản đảm bảo cho khoản vay tài chính vi mô và sẽ phải hoàn trả ngay cho khách hàng sau khi kết thúc khoản vay.

Do vậy, để phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD và áp dụng đúng thông lệ quốc tế, dự thảo Nghị định quy định chương trình, dự án TCVM chỉ được phép thực hiện việc nhận tiền gửi bắt buộc, không được nhận tiền gửi tự nguyện từ khách hàng TCVM.

c) Về hoạt động cho vay, nhận ủy thác cho vay:

- Theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Các TCTD, hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ như nhận tiền gửi, cho vay..... Về bản chất, hoạt động ngân hàng là việc nhận tiền gửi và sử dụng để thực hiện cho vay. Do vậy, với hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, kết hợp với quy định về nhận tiền gửi như nêu tại điểm b ở trên, hoạt động cho vay của chương trình, dự án TCVM không phải là hoạt động ngân hàng.

- Hoạt động nhận ủy thác cho vay không phát sinh rủi ro cho người thực hiện và không phải hoạt động ngân hàng. Tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM là tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ không phải là tổ chức tín dụng. Do vậy, nội dung hoạt động này không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Các TCTD. Ngoài ra, Luật Các TCTD giao Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án TCVM và hoạt động nhận ủy thác cho vay là hoạt động mà các chương trình, dự án TCVM đang được phép thực hiện theo Quyết định số 20. Đồng thời, theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân - một loại hình có tôn chỉ, mục đích và hoạt động tương tự như chương trình, dự án TCVM, nhận ủy thác cho vay là hoạt động mà Quỹ Hỗ trợ nông dân được phép thực hiện.

2.5. Về thẩm quyền chấm dứt thực hiện chương trình, dự án TCVM; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án TCVM; chấp thuận các thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án TCVM (Điều 4 dự thảo):

Trên cơ sở kế thừa quy định về cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án TCVM tại Quyết định số 20, đồng thời, đảm bảo phù hợp với việc sắp xếp lại bộ máy của NHNN, dự thảo Nghị định quy định về thẩm quyền chấm dứt thực hiện chương trình, dự án TCVM; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án TCVM; chấp thuận các thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án TCVM tại Điều 4 dự thảo Nghị định theo hướng:

- NHNN Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền chấm dứt thực hiện, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký; chấp thuận các thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án TCVM trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với:

+ Chương trình, dự án TCVM có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc địa bàn quản lý của 02 NHNN chi nhánh tại Khu vực trở lên;

+ Chương trình, dự án TCVM do các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trực tiếp thực hiện.

- NHNN chi nhánh tại các Khu vực là cơ quan có thẩm quyền chấm dứt thực hiện, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký; chấp thuận các thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án TCVM trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với chương trình, dự án TCVM hoạt động trên địa bàn trừ chương trình, dự án TCVM thuộc đối tượng quản lý của NHNN Việt Nam.

2.6. Về cơ cấu tổ chức của chương trình, dự án TCVM (Điều 6 dự thảo):

Nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động quản trị, điều hành và tăng cường tính chuyên nghiệp của chương trình, dự án TCVM, dự thảo Nghị định quy định cơ cấu tổ chức của chương trình, dự án TCVM theo hướng tổ chức thực hiện phải đảm bảo có bộ phận quản lý tại từng địa bàn tỉnh, thành phố nơi triển khai thực hiện chương trình, dự án TCVM. Bộ phận quản lý được quy định trên cơ sở kế thừa nội dung có liên quan tại Quyết định số 20 nhưng thiết kế lại theo hướng đơn giản, cụ thể hơn để phù hợp với quy mô hoạt động của chương trình, dự án TCVM.

2.7. Về các thay đổi trong hoạt động của chương trình, dự án TCVM (từ Điều 10 đến Điều 14 dự thảo):

- Thực tế cho thấy, trong quá trình hoạt động, các tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM sẽ phát sinh nhu cầu thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở, vốn thực hiện, người quản lý, điều hành, gia hạn thời hạn thực hiện chương trình, dự án TCVM. Bên cạnh đó, quá trình sắp xếp, kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước hiện nay, bao gồm cả việc điều chỉnh địa giới hành chính ở một số địa phương, cũng tác động trực tiếp đến địa bàn hoạt động nơi triển khai chương trình, dự án TCVM. Để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, dự thảo Nghị định đã bổ sung các quy định điều chỉnh việc thay đổi nội dung hoạt động của chương trình, dự án TCVM. Quy định được xây dựng dựa trên các nguyên tắc sau:

+ Đối với thay đổi vốn thực hiện, người quản lý, điều hành, gia hạn thời hạn hoạt động: Đây là các thay đổi có tính chất trọng yếu, ảnh hưởng trực tiếp

đến năng lực tài chính và hiệu quả hoạt động của chương trình, dự án TCVM. Do vậy, tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM phải được NHNN chấp thuận trước khi tiến hành các thay đổi này. Việc chấp thuận của NHNN được thực hiện trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi triển khai chương trình, dự án TCVM vì ý kiến của chính quyền địa phương là cần thiết để đảm bảo sự phù hợp của các thay đổi với điều kiện kinh tế - xã hội và định hướng phát triển của địa phương.

+ Đối với thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở hoạt động: Đây là các thay đổi mang tính hành chính, ít tác động đến hoạt động cốt lõi của chương trình, dự án TCVM. Do vậy, tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM được tự quyết định việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở hoạt động, đảm bảo phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật. Tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM phải đề nghị NHNN sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án TCVM sau khi thực hiện thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở để đảm bảo tính phù hợp giữa thực tế hoạt động và thông tin có liên quan tại Giấy chứng nhận đăng ký cũng như phục vụ cho hoạt động quản lý của NHNN.

+ Đối với việc thay đổi địa bàn hoạt động: Tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM chỉ được thay đổi địa bàn hoạt động do có sự thay đổi về địa giới hành chính theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Quy định này nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa địa bàn hoạt động của chương trình, dự án TCVM với địa giới hành chính thực tế. Tương tự như thay đổi tên và địa điểm đặt trụ sở, tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM phải thông báo và đề nghị NHNN sửa đổi, bổ sung thông tin về địa bàn hoạt động tại Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án TCVM.

- Dự thảo Nghị định cũng quy định về hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận các thay đổi trong hoạt động của chương trình, dự án TCVM để làm cơ sở cho tổ chức thực hiện chương trình, dự án thực hiện khi có nhu cầu.

2.8. Về chuyển đổi chương trình, dự án TCVM thành tổ chức TCVM (Điều 17 dự thảo):

Dự thảo Nghị định quy định tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM được chuyển đổi chương trình, dự án TCVM đang triển khai thành tổ chức TCVM khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện cấp Giấy phép đối với tổ chức TCVM theo quy định của Chính phủ.

Theo quy định trước đây tại Quyết định số 20, khi đạt đến ngưỡng quy mô nhất định, chương trình, dự án TCVM bắt buộc phải chuyển đổi thành tổ chức

TCVM hoặc phải giảm quy mô để kiểm soát rủi ro phát sinh. Dự thảo Nghị định, thay vào đó, cho phép tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM được chủ động chuyển đổi thành tổ chức TCVM khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện cấp Giấy phép hoạt động tổ chức TCVM theo quy định của Chính phủ. Sự thay đổi này được thực hiện trên cơ sở sửa đổi, bổ sung các quy định về hoạt động, đặc biệt là hoạt động nhận tiền gửi, qua đó giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn ngay cả khi chương trình, dự án mở rộng quy mô. Do vậy, việc chuyển đổi được quy định như một lựa chọn tự nguyện, phụ thuộc vào nhu cầu phát triển của tổ chức thực hiện chương trình, dự án, đồng thời vẫn bảo đảm an toàn hoạt động thông qua cơ chế quản lý chặt chẽ đối với các hoạt động nghiệp vụ.

2.9. Về trách nhiệm của các đơn vị có liên quan (từ Điều 19 đến Điều 22 dự thảo):

Trên cơ sở kế thừa các nội dung còn phù hợp tại Quyết định số 20, đồng thời sửa đổi một số nội dung cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ sau khi thực hiện việc sắp xếp lại, nội dung về trách nhiệm của các đơn vị có liên quan được quy định như sau:

a) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ:

Các tổ chức này là những đơn vị nhận vốn tài trợ, cung cấp vốn và triển khai chương trình, dự án TCVM, vì vậy, có trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát đối với các chương trình, dự án TCVM của chính tổ chức đảm bảo hoạt động an toàn, bền vững và tuân thủ pháp luật, cụ thể:

(i) Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của chương trình, dự án TCVM; đảm bảo chương trình, dự án TCVM tuân thủ theo quy định tại Nghị định.

(ii) Không được chia lợi nhuận hoặc sử dụng lợi nhuận từ hoạt động của chương trình, dự án TCVM cho các hoạt động không phải là hoạt động tài chính vi mô dưới bất kỳ hình thức nào.

(iii) Chỉ đạo, giám sát chương trình, dự án TCVM công bố công khai các thông tin về lãi suất, quy định về tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, sản phẩm cho vay, các thông tin về khách hàng và các thông tin khác trong hoạt động tài chính vi mô theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

b) Ngân hàng Nhà nước (bao gồm NHNN Việt Nam, NHNN Khu vực):

Là đơn vị đầu mối thực hiện quản lý nhà nước đối với chương trình, dự án TCVM, trách nhiệm của NHNN được quy định trên cơ sở kế thừa nội dung có liên quan tại Quyết định số 20, tuy nhiên có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tổ chức, bộ máy của hệ thống NHNN sau khi thực hiện sắp xếp lại, cụ thể như sau:

(i) Đầu mỗi trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định này.

(ii) Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, quản lý hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định sau:

- Ngân hàng Nhà nước đối với chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc địa bàn quản lý của 02 Ngân hàng Nhà nước Khu vực trở lên và chương trình, dự án tài chính vi mô do các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trực tiếp thực hiện;

- Ngân hàng Nhà nước Khu vực đối với chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Trước ngày 15 tháng 02 hằng năm, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình hình gia hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn..

c) Trách nhiệm của các Bộ:

(i) Bộ Công an: Bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Công an trong việc thực hiện quản lý nhà nước về an ninh trật tự trên địa bàn đối với chương trình, dự án TCVM để đảm bảo việc quản lý nhà nước đối với chương trình, dự án TCVM được toàn diện hơn.

(ii) Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ: Trách nhiệm của 02 bộ được xây dựng trên cơ sở kế thừa nội dung quy định tại Quyết định số 20 do vẫn phù hợp, cụ thể:

- Cấp Giấy đăng ký, văn bản thành lập hoạt động của tổ chức phi chính phủ trong nước, tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với NHNN trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động của chương trình, dự án TCVM của tổ chức phi chính phủ do Bộ Nội Vụ, Bộ Ngoại giao cho phép thành lập, hoạt động.

(iii) Bộ Tài chính: Trách nhiệm của Bộ Tài chính được kế thừa nội dung về trách nhiệm của Bộ Tài chính tại Quyết định số 20 do vẫn phù hợp, đồng thời bổ sung thêm trách nhiệm liên quan đến quản lý nhà nước đối với quản lý và sử dụng nguồn vốn phi chính phủ nước ngoài, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vay ưu đãi trong quá trình thực hiện chương trình, dự án TCVM của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 20 cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính sau khi sắp xếp lại, cụ thể:

- Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các chương trình, dự án TCVM theo thẩm quyền, bao gồm trách nhiệm ban hành văn bản hướng dẫn về

chế độ tài chính, chế độ kế toán, chính sách thuế đối với các chương trình, dự án TCVM đảm bảo đủ cơ sở cho các chương trình, dự án TCVM thống nhất thực hiện.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với quản lý và sử dụng các nguồn vốn phi chính phủ nước ngoài, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vay ưu đãi trong quá trình thực hiện chương trình, dự án TCVM theo thẩm quyền.

d) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có chương trình, dự án TCVM:

Kế thừa nội dung quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Quyết định số 20 do vẫn phù hợp. Cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp khi có đề nghị của NHNN trong việc kiểm tra, giám sát đối với chương trình, dự án TCVM trên địa bàn.

2.10. Quy định về chuyển tiếp (Điều 23 dự thảo):

Dự thảo Nghị định có thay đổi nội dung quy định về: (i) tiền gửi tự nguyện và tiền gửi bắt buộc, (ii) gia hạn thời hạn hoạt động; (iii) cơ cấu tổ chức quản lý của chương trình, dự án TCVM. Do đó, tại phần quy định chuyển tiếp, dự thảo Nghị định đã bổ sung các quy định để tránh việc quy định mới tại dự thảo Nghị định gây xáo trộn đến hoạt động của tổ chức TCVM.

VI. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Dự thảo Nghị định không có quy định nào mang tính phân biệt đối xử hay cản trở việc thi hành các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó có cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA)...

VII. ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC LÔNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Đánh giá thủ tục hành chính:

Dự thảo Nghị định có 06 thủ tục hành chính, đã được thực hiện đánh giá thủ tục hành chính theo quy định. Các thủ tục hành chính được quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo yêu cầu về đơn giản hóa thủ tục hành chính, không gây cản trở đến hoạt động của tổ chức thực hiện.

2. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định:

Các nội dung tại dự thảo Nghị định không có sự phân biệt về giới, không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện quyền và nghĩa vụ khi tham gia của mỗi giới.

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Dự kiến nguồn lực:

Việc triển khai thực hiện Nghị định thuộc trách nhiệm của NHNN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Các đơn vị đều được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định:

- Nghị định được xây dựng phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD của Quốc hội, các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và tuân thủ quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

- Sau khi Nghị định được ban hành, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định, đảm bảo điều kiện thi hành Nghị định.

IX. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP VÀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA NHNN

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số 176/BCTĐ-BTP ngày 15/7/2024, NHNN đã tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị định (xin đính kèm Bảng tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, NHNN xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định; Báo cáo thẩm định; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp). Qu

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tư pháp;
 - Thống đốc (để b/c);
 - PTĐ Đoàn Thái Sơn (để b/c);
 - Lưu: VP, ATH4.
- LTTDUNG.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Đoàn Thái Sơn

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức phi chính phủ

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

5;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân), tổ chức, cá nhân có liên quan đến chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động tài chính vi mô bao gồm việc cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng tài chính vi mô, nhận tiền gửi của khách hàng tài chính vi mô dưới hình thức tiền gửi bắt buộc.

2. Khách hàng tài chính vi mô bao gồm các đối tượng sau:

a) Cá nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; cá nhân đại diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật;

b) Hộ gia đình có thu nhập thấp là hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân về mức thu nhập thấp, chuẩn hộ gia đình có thu nhập thấp trong từng thời kỳ trên cơ sở quy định có liên quan của pháp luật;

c) Cá nhân có thu nhập thấp là cá nhân có mức thu nhập tương ứng mức thu nhập bình quân của cá nhân thuộc hộ gia đình có thu nhập thấp nêu tại điểm b khoản 2 Điều này;

d) Doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật.

3. Chương trình, dự án tài chính vi mô là chương trình, dự án của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được thực hiện trong khoảng thời gian xác định trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với mục đích chủ yếu để hoạt động tài chính vi mô nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng tài chính vi mô, góp phần tạo việc làm, thực hiện xóa đói, giảm nghèo và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô không phải là hoạt động ngân hàng.

4. Tổ chức phi chính phủ bao gồm tổ chức phi chính phủ trong nước và tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Tiền gửi bắt buộc là số tiền mà khách hàng tài chính vi mô phải gửi theo quy định của chương trình, dự án tài chính vi mô. Tiền gửi bắt buộc chỉ được thực hiện đối với khách hàng tài chính vi mô đang có khoản vay.

6. Vốn thực hiện tài chính vi mô là vốn được giao, vốn được cấp, quỹ được giao để thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

7. Người quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô là Trưởng Ban quản lý hoặc Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý, điều hành về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại Nghị định này.

8. Giấy chứng nhận đăng ký là Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô do Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ theo quy định tại Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương

trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đăng ký.

Điều 4. Thẩm quyền chấm dứt thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô; chấp thuận các thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) là cơ quan có thẩm quyền chấm dứt thực hiện, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký; chấp thuận các thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với:

a) Chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc địa bàn quản lý của 02 Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại Khu vực trở lên;

b) Chương trình, dự án tài chính vi mô do các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trực tiếp thực hiện.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước Khu vực) là cơ quan có thẩm quyền chấm dứt thực hiện, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký; chấp thuận các thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân đối với chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động trên địa bàn trừ chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH; CƠ CẤU TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, ngân hàng, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh; hoặc có ít nhất 02 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng hoặc tài chính vi mô.

2. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải đảm bảo chương trình, dự án tài chính vi mô phải có bộ phận quản lý tại địa bàn nơi triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý phải được quy định bằng văn bản.

2. Chương trình, dự án tài chính vi mô phải có bộ phận quản lý với cơ cấu tổ chức tối thiểu như sau:

a) Ban quản lý của chương trình, dự án tài chính vi mô.

Ban quản lý có chức năng, nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. Trưởng Ban quản lý hoặc Giám đốc chương trình, dự án tài chính vi mô chịu trách nhiệm về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn; có trách nhiệm phân công cho các thành viên trong Ban quản lý trong việc quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô;

b) Bộ phận cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô.

Bộ phận cho vay có chức năng thực hiện hoạt động cho vay gồm: Trưởng bộ phận cho vay hoặc chức danh tương đương và ít nhất 01 nhân viên. Số lượng nhân viên của Bộ phận cho vay phải phù hợp với số lượng khách hàng tài chính vi mô, quy mô hoạt động tài chính vi mô;

c) Bộ phận kế toán tài chính của chương trình, dự án tài chính vi mô.

Bộ phận kế toán tài chính phải có thủ quỹ và được trang bị tủ, két sắt hoặc phương tiện quản lý tiền, giấy tờ, chứng từ, hóa đơn an toàn;

d) Bộ phận kiểm soát, quản lý rủi ro của chương trình, dự án tài chính vi mô.

Bộ phận kiểm soát, quản lý rủi ro có chức năng kiểm tra, kiểm soát, quản lý rủi ro toàn bộ hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô gồm: Trưởng bộ phận kiểm soát, quản lý rủi ro hoặc chức danh tương đương và ít nhất 01 nhân viên.

Số lượng nhân viên của Bộ phận kiểm soát, quản lý rủi ro phải phù hợp với số lượng khách hàng tài chính vi mô, quy mô hoạt động tài chính vi mô. Trưởng bộ phận kiểm soát, quản lý rủi ro là chuyên trách và không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác.

3. Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương quy định tại khoản 2 Điều này phải có tối thiểu trình độ đại học về một trong các ngành kinh tế, ngân

hàng, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh hoặc có ít nhất 01 năm kinh nghiệm về hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động tài chính vi mô.

Mục 2

ĐỊA BÀN, THỜI HẠN, NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG; QUY ĐỊNH NỘI BỘ

Điều 7. Địa bàn, thời hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô được xác định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký cấp cho chương trình, dự án tài chính vi mô. Thời hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô không được vượt quá thời hạn hoạt động còn lại của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ. Chương trình, dự án tài chính vi mô có thể được xem xét gia hạn thời hạn hoạt động.

2. Địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô được xác định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký cấp cho chương trình, dự án tài chính vi mô. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Điều 8. Nội dung hoạt động

1. Hoạt động cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô được thực hiện như sau:

a) Cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô theo nguyên tắc:

(i) Tự chủ trong hoạt động cho vay và chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình; bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật;

(ii) Theo thỏa thuận bằng văn bản với khách hàng tài chính vi mô, trong đó tối thiểu có nội dung: Quyền, trách nhiệm bên cho vay và bên vay; mục đích sử dụng vốn vay; thời hạn cho vay; mức cho vay; thời hạn hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay; lãi suất cho vay và hình thức bảo đảm tiền vay;

(iii) Lãi suất cho vay phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện cụ thể của chương trình, dự án tài chính vi mô, kế hoạch tài chính vi mô, bù đắp đủ chi phí hoạt động, tăng trưởng và không vì mục tiêu lợi nhuận;

(iv) Việc cho vay đối với hộ gia đình được thực hiện thông qua người đại diện của hộ gia đình. Người đại diện của hộ gia đình là thành viên của hộ gia đình và phải được các thành viên của hộ gia đình ủy quyền đại diện bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

(v) Chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội chỉ được cho vay khách hàng tài chính vi mô là các hội viên của tổ chức chính trị - xã hội;

b) Điều kiện cho vay:

(i) Khách hàng tài chính vi mô là cá nhân phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật về dân sự. Khách hàng tài chính vi mô là doanh nghiệp siêu nhỏ đang hoạt động hợp pháp;

(ii) Việc cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô có thể đảm bảo bằng tiền gửi bắt buộc và/hoặc bảo lãnh của nhóm khách hàng tài chính vi mô;

(iii) Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp;

c) Mức cho vay tối đa đối với một khách hàng tài chính vi mô không vượt quá 50 triệu đồng Việt Nam.

2. Vay tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Hoạt động khác của chương trình, dự án tài chính vi mô bao gồm:

a) Nhận tiền gửi bắt buộc;

b) Nhận ủy thác cho vay của tổ chức, cá nhân để cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô, không vì mục tiêu lợi nhuận. Văn bản thỏa thuận nhận ủy thác cho vay bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác;

(ii) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác;

(iii) Quyền, nghĩa vụ của bên ủy thác, bên nhận ủy thác, trong đó phải quy định rõ bên ủy thác chịu mọi rủi ro và hưởng mọi lợi ích từ hoạt động ủy thác, bên nhận ủy thác được hưởng phí ủy thác;

(iv) Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác;

(v) Đối tượng thụ hưởng;

(vi) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Tiếp nhận vốn tài trợ, viện trợ không hoàn lại, có hoàn lại của chính phủ, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. Việc tiếp nhận, sử dụng viện trợ từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Các hoạt động khác được phép thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Quy định nội bộ

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô phải ban hành tối thiểu các quy định nội bộ sau:

a) Quy định về tổ chức, hoạt động của Ban quản lý của chương trình, dự án tài chính vi mô: Trong đó quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban quản lý hoặc chức danh tương đương, của từng thành viên Ban quản lý; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc và việc phân cấp, ủy quyền trong việc quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô;

b) Quy định về tổ chức, hoạt động của bộ phận cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô: Trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền trong việc thẩm định, xét duyệt cho vay, đảm bảo tiền vay, kiểm tra việc sử dụng vốn vay, phân loại nợ và thu hồi nợ, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, chứng từ, tài liệu, hóa đơn liên quan đến cho vay, thu nợ; quy định nội bộ về khách hàng tài chính vi mô;

c) Quy định về quản lý tiền gửi, nhận ủy thác cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô: Trong đó quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý tiền gửi bắt buộc, nhận ủy thác cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô;

d) Quy định về tổ chức, hoạt động của bộ phận kiểm soát, quản lý rủi ro của chương trình, dự án tài chính vi mô: Trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc tương đương, các thành viên trong việc kiểm tra, kiểm soát, quản lý rủi ro, giám sát, phân cấp, ủy quyền liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của chương trình, dự án tài chính vi mô;

đ) Quy định về tổ chức, hoạt động của bộ phận kế toán tài chính: Trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền trong công tác kế toán tài chính, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, chứng từ, tài liệu, hóa đơn liên quan đến kế toán tài chính.

Trường hợp chỉ có nhân viên phụ trách về kế toán tài chính, phải quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên phụ trách về kế toán tài chính của chương trình, dự án tài chính vi mô.

2. Định kỳ hằng năm, các văn bản quy định nội bộ phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo quản lý hiệu quả chương trình, dự án tài chính vi mô.

3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định nội bộ quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi các quy định nội bộ được ban hành, sửa đổi, bổ sung cho Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

Mục 3

CÁC THAY ĐỔI TRONG HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ

Điều 10. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở, địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ quyết định việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô phù hợp với quy định của pháp luật. Việc quyết định thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô phải được tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện bằng văn bản.

2. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trong phạm vi địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đã được Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận.

3. Chương trình, dự án tài chính vi mô chỉ được thay đổi địa bàn hoạt động trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Khi có sự thay đổi về tên, địa điểm đặt trụ sở, địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải có Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định này gửi Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký đối với thông tin về tên, địa điểm đặt trụ sở, địa bàn hoạt động.

Trường hợp thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở hoạt động, ngoài Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải gửi kèm bản sao quyết định thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở.

Điều 11. Thay đổi mức vốn thực hiện của chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải được Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận trước khi thay đổi mức vốn thực hiện của chương trình, dự án tài chính vi mô.

2. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ không được dùng vốn ủy thác, vốn vay dưới bất cứ hình thức nào để thực hiện việc thay đổi mức vốn thực hiện tài chính vi mô và phải cam kết, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi vốn thực hiện tài chính vi mô bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ số vốn thay đổi cụ thể tại từng địa bàn (đối với trường hợp chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên);

b) Văn bản giải trình về nguồn gốc vốn thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

Điều 12. Thay đổi người quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải được Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận trước khi thay đổi người quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô.

2. Người quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô dự kiến thay đổi phải đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị thay đổi người quản lý, điều hành bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Sơ yếu lý lịch người quản lý, điều hành dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Hồ sơ chứng minh người quản lý, điều hành dự kiến có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 13. Thay đổi thời hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải được Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận việc gia hạn thời hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô.

2. Thời hạn đề nghị gia hạn không được vượt quá thời hạn hoạt động còn lại của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ và không được vượt quá thời hạn triển khai chương trình, dự án còn lại theo thời hạn đã được Ủy ban nhân dân chấp thuận.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó ghi rõ thời hạn đề nghị cụ thể tại từng địa bàn (đối với chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên);

b) Bản sao văn bản thành lập đối với tổ chức phi chính phủ trong nước, Giấy đăng ký hoạt động đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài, Nghị quyết của cấp có thẩm quyền về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô đối với tổ chức chính trị - xã hội;

c) Bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân về việc triển khai chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh, thành phố (nếu có);

d) Báo cáo tổng quan tình hình tổ chức và hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trong đó nêu rõ:

(i) Đánh giá, tổng kết hoạt động trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị, bao gồm các chỉ tiêu hoạt động chính liên quan đến nguồn vốn, sử dụng vốn; tác động của hoạt động cho vay đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại nơi triển khai chương trình, dự án tài chính vi mô;

(ii) Dự kiến kế hoạch hoạt động trong 03 năm tiếp theo hoặc kế hoạch hoạt động trong khoảng thời gian đề nghị gia hạn trường hợp thời gian đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động dưới 03 năm.

Điều 14. Trình tự chấp thuận các thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Trình tự chấp thuận thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở, địa bàn hoạt động:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở của chương trình, dự án tài chính vi mô có hiệu lực hoặc kể từ ngày quyết định thay đổi địa giới hành chính của cơ quan có thẩm quyền có hiệu

lực thi hành, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực 01 bộ hồ sơ chấp thuận thay đổi quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản chấp thuận thay đổi theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị định này gửi tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ nêu rõ lý do.

2. Trình tự chấp thuận thay đổi vốn thực hiện, người quản lý điều hành, thời hạn hoạt động:

a) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi quy định tại khoản 3 Điều 11, khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động, tối thiểu 06 tháng trước ngày hết thời hạn thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô tại Giấy chứng nhận đăng ký, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ bổ sung đầy đủ hồ sơ;

c) Trường hợp tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đề nghị thay đổi mức vốn thực hiện, gia hạn thời hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức

tín dụng) có văn bản gửi lấy ý kiến của các Ủy ban nhân dân về việc thay đổi mức vốn thực hiện, gia hạn thời hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn.

Trường hợp tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đề nghị thay đổi mức vốn thực hiện, gia hạn thời hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản báo cáo và xin ý kiến của Ủy ban nhân dân về việc thay đổi mức vốn thực hiện, gia hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị;

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản chấp thuận thay đổi theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị định này gửi tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ nêu rõ lý do.

Mục 4

CHẤM DỨT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

Điều 15. Chấm dứt thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô

Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ bị buộc chấm dứt thực hiện và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký trong các trường hợp sau đây:

1. Hồ sơ đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có thông tin gian lận.
2. Hết thời hạn thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký nhưng không được gia hạn thời hạn hoạt động.
3. Chương trình, dự án tài chính vi mô có hoạt động vi phạm nghiêm trọng quy định tại Nghị định này và quy định liên quan của pháp luật, gây mất an toàn trật tự an ninh - xã hội trên địa bàn.

4. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ tự nguyện chấm dứt hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô (bao gồm cả việc thu hẹp địa bàn hoạt động).

5. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ chấm dứt hoạt động.

Điều 16. Trình tự thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký

1. Khi phát hiện chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định này hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ chấm dứt hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn.

2. Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện các nội dung sau:

a) Không được thực hiện mới bất kỳ nội dung hoạt động quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b) Xây dựng kế hoạch chấm dứt hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô gửi Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực;

c) Tổ chức thực hiện đảm bảo chấm dứt hoạt động tài chính vi mô của chương trình, dự án tài chính vi mô theo đúng kế hoạch và cam kết tổ chức thực hiện;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm c khoản này, có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp.

3. Trong trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 15 Nghị định này, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải gửi Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực kế hoạch xử lý, trong đó nêu rõ: thời gian hoàn thành xử lý chấm dứt hoạt động, các giải pháp xử lý tài chính, nhân sự và hoàn thành các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp.

Mục 5

CHUYỂN ĐỔI THÀNH TỔ CHỨC TÀI CHÍNH VI MÔ; CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 17. Chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô

Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô khi đáp ứng các điều kiện cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô theo quy định của Chính phủ. Trình tự chuyển đổi được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô.

Điều 18. Chế độ tài chính, hạch toán, kế toán và báo cáo

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện chế độ tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô được hạch toán kế toán độc lập với các hoạt động khác của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

3. Trước ngày 31 tháng 01 và 31 tháng 7 hằng năm, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi báo cáo theo quy định sau:

a) Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc địa bàn quản lý của 02 Ngân hàng Nhà nước khu vực trở lên và chương trình, dự án tài chính vi mô do các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trực tiếp thực hiện:

(i) Gửi báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Tài chính; Bộ Ngoại giao đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoặc Bộ Nội vụ đối với tổ chức phi chính phủ trong nước; Ủy ban nhân dân nơi chương trình, dự án tài chính vi mô đang hoạt động;

(ii) Gửi báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị định này đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng);

b) Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên ngoài quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:

(i) Gửi báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ; Ủy ban nhân dân nơi chương trình, dự án tài chính vi mô đang hoạt động;

(ii) Gửi báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị định này đến Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi chương trình, dự án tài chính vi mô đang hoạt động;

c) Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

(i) Gửi báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị định này đến Ủy ban nhân dân nơi chương trình, dự án tài chính vi mô đang hoạt động;

(ii) Gửi báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị định này đến Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi chương trình, dự án tài chính vi mô đang hoạt động.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô; đảm bảo chương trình, dự án tài chính vi mô tuân thủ theo quy định tại Nghị định này.

2. Không được chia lợi nhuận hoặc sử dụng lợi nhuận từ hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô cho các hoạt động không phải là hoạt động tài chính vi mô dưới bất kỳ hình thức nào.

3. Chỉ đạo, giám sát chương trình, dự án tài chính vi mô công bố công khai các thông tin về lãi suất, quy định về tiền gửi bắt buộc, sản phẩm cho vay, các thông tin về khách hàng và các thông tin khác trong hoạt động tài chính vi mô theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

4. Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô chịu trách nhiệm ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 20. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước

1. Là đầu mối trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định này.

2. Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, quản lý hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định sau:

a) Ngân hàng Nhà nước đối với chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc địa bàn quản lý của 02 Ngân hàng Nhà nước Khu vực trở lên và chương trình, dự án tài chính vi mô do các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trực tiếp thực hiện;

b) Ngân hàng Nhà nước Khu vực đối với chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Trước ngày 15 tháng 02 hằng năm, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình hình gia hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Thực hiện quản lý nhà nước về tài chính đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc ban hành các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính, hạch toán, báo cáo tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại Điều 18 Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng các chính sách thuế, chính sách hỗ trợ tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô.

3. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước kiểm tra đối với việc quản lý và sử dụng các nguồn vốn của tổ chức phi chính phủ nước ngoài, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vay ưu đãi trong quá trình thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có chương trình, dự án tài chính vi mô

1. Bộ Công an có trách nhiệm quản lý nhà nước về an ninh trật tự trên địa bàn đối với chương trình, dự án tài chính vi mô.

2. Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm:

a) Cấp Giấy đăng ký, văn bản thành lập hoạt động của tổ chức phi chính phủ trong nước, tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định pháp luật;

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ

chức phi chính phủ do Bộ Nội Vụ, Bộ Ngoại giao cho phép thành lập, hoạt động.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có chương trình, dự án tài chính vi mô phối hợp khi có đề nghị của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Khu vực trong việc kiểm tra, giám sát đối với chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Quy định chuyển tiếp

1. Chương trình, dự án tài chính vi mô có thời hạn hoạt động còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành không phải điều chỉnh tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định này mà được tiếp tục duy trì tổ chức và hoạt động theo quy định tại Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.

Chương trình, dự án tài chính vi mô có thời hạn hoạt động còn lại từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành phải đảm bảo sau thời hạn tối đa 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải điều chỉnh tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô có thời hạn hoạt động còn lại ghi trong Giấy đăng ký hoạt động dưới 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn tối đa 02 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải hoàn thiện và gửi hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động;

b) Hồ sơ và trình tự đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 14 Nghị định này.

3. Đối với hợp đồng, thỏa thuận nhận tiền gửi (bao gồm cả tiết kiệm tự nguyện và tiết kiệm bắt buộc), cho vay, nhận ủy thác cho vay được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng, thỏa thuận. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn các hợp đồng, thỏa thuận hoặc các hợp đồng, thỏa thuận mới chỉ được ký

kết nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn, ký kết mới phù hợp với quy định của Nghị định này.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.
2. Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ hết hiệu lực thi hành.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM.CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b)

PHỤ LỤC

Kèm theo Nghị định số / /ND-CP ngày / / của Chính phủ

Phụ lục số 01	Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô
Phụ lục số 02	Mẫu Sơ yếu lý lịch
Phụ lục số 03	Mẫu văn bản chấp thuận thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô
Phụ lục số 04	Mẫu báo cáo tình hình hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô

Phụ lục số 01

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động/sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô
(Ban hành kèm theo Nghị định số / /ND-CP ngày / / của Chính phủ)

**TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI,
TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THAY ĐỔI...(TÊN NỘI DUNG THAY ĐỔI) / SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TÀI CHÍNH VI MÔ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam / Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại Khu vực....

- Tên tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đề nghị.
- Địa chỉ trụ sở làm việc.
- Số điện thoại.
- Website (nếu có).

Đề nghị chấp thuận thay đổi...(tên nội dung thay đổi) / Đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chương trình, dự án tài chính vi mô đối với nội dung về...(tên nội dung đề nghị) như sau:

1. Thông tin liên quan đến nội dung đề nghị chấp thuận thay đổi/sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô (Ghi cụ thể các thông tin hiện tại và đề nghị thay đổi).

a) Đối với thay đổi tên: Ghi cụ thể tên chính thức, tên viết tắt, tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có);

b) Đối với thay đổi địa điểm đặt trụ sở hoạt động: Ghi cụ thể địa chỉ đến đơn vị hành chính cấp xã;

c) Đối với thay đổi địa bàn hoạt động: Ghi cụ thể từng địa bàn hoạt động đề nghị chấp thuận thay đổi theo cấp hành chính;

d) Đối với thay đổi mức vốn: Ghi rõ số vốn được cấp của chương trình, dự án; số vốn được cấp tại từng địa bàn cụ thể; số vốn đề nghị chấp thuận thay đổi tại từng địa bàn cụ thể;

đ Đối với thay đổi thời hạn hoạt động: Ghi rõ thời hạn hoạt động tại từng địa bàn cụ thể; thời hạn đề nghị chấp thuận gia hạn tại từng địa bàn cụ thể;

e) Đối với thay đổi người quản lý, người điều hành: Ghi rõ các thông tin sau:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

2. Lý do thay đổi.

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-
XÃ HỘI, TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 02

Mẫu Sơ yếu lý lịch

(Ban hành kèm theo Nghị định số / /ND-CP ngày / / của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh màu
(4x6) đóng
dấu giáp lai
của cơ quan
xác nhận lý
lịch

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh (nếu có).
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay⁽¹⁾:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽²⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao

4. Năng lực hành vi dân sự⁽³⁾

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh..... tại chương trình, dự án tài chính vi mô.

- Thông báo cho tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai trên phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực..... đang xem xét đề nghị của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ .

- Các thông tin cá nhân tôi cung cấp cho tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ để trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.....xem xét, chấp thuận là đúng sự thật.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày... tháng... năm

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁴⁾

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tài chính vi mô về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

(2) Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

(3) Ghi cụ thể:

(i) Đầy đủ/Hạn chế/Mất năng lực hành vi dân sự.

(ii) Thông tin về cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

(4) Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục số 03

Mẫu văn bản chấp thuận thay đổi trong hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô

(Ban hành kèm theo Nghị định số / /ND-CP ngày / / của Chính phủ)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM/
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI
NHÁNH KHU VỰC.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Tỉnh, thành phố), ngày ... tháng năm

Số:/QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH

Chấp thuận thay đổi...(tên nội dung thay đổi)

Căn cứ Nghị định số.../ND-CP ngày.... của Chính phủ quy định về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ;

Xét đề nghị của tổ chức: Tên tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đề nghị

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho: (tên tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đề nghị)

Địa chỉ trụ sở làm việc:

Số điện thoại:

được thay đổi (tên nội dung thay đổi) chương trình, dự án tài chính vi mô đang triển khai thực hiện với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên chương trình, dự án tài chính vi mô: (Tên mới chương trình, dự án tài chính vi mô đề nghị thay đổi).

2. Địa điểm đặt trụ sở hoạt động: (Địa chỉ mới chương trình, dự án tài chính vi mô đề nghị thay đổi, ghi cụ thể đến đơn vị hành chính cấp xã).

3. Vốn thực hiện tài chính vi mô (Việt Nam đồng)

a) Số tiền: (Ghi cụ thể số tiền được chấp thuận thay đổi tại từng địa bàn theo cấp hành chính).

b) Nguồn gốc: (Ghi rõ tổ chức, cơ quan cấp vốn).

4. Người quản lý, điều hành.

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa).



STT	Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP	Ý KIẾN CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
	<p>tự chấp thuận hoạt động; cơ cấu tổ chức của chương trình, dự án tài chính vi mô...) là mở rộng phạm vi giao Chính phủ quy định theo quy định tại khoản 13 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p> <p>- Nội dung của khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định không phải là phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định vì không phải để thực hiện khoản 13 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>	
	<p>Đề nghị giải trình rõ quy định “Chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ không phải là hoạt động ngân hàng” (trong khi phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định áp dụng chung cho tất cả chương trình, dự án tài chính vi mô) có phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Đầu tư hay không? Lý do:</p> <p>- Chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ không phải là tổ chức tín dụng được quy định tại khoản 38 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, tuy nhiên, dự thảo Nghị định quy định chương trình, dự án tài chính vi mô được cho vay, nhận tiền gửi...</p> <p>- Khoản 2 Điều 15 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 cấm tổ chức, cá nhân không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động ngân hàng.</p> <p>- Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) chỉ quy định một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực ngân hàng, không có chương trình, dự án tài chính vi mô.</p>	<p>Tiếp thu.</p> <p>Ngân hàng Nhà nước đã sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động nhận tiền gửi tại khoản 1, 5 Điều 3 dự thảo Nghị định để không gây nhầm lẫn hoạt động nhận tiền gửi của chương trình, dự án TCVM là hoạt động ngân hàng. Cụ thể như sau:</p> <p>“Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p><i>Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</i></p> <p>1. <i>Hoạt động tài chính vi mô bao gồm việc cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng tài chính vi mô, nhận tiền gửi của khách hàng tài chính vi mô dưới hình thức tiền gửi bắt buộc.</i></p> <p>....</p> <p>5. <i>Tiền gửi bắt buộc là số tiền mà khách hàng tài chính vi mô phải gửi theo quy định của chương trình, dự án tài chính vi mô. Tiền gửi bắt buộc chỉ được thực hiện đối với khách hàng tài chính vi mô đang có khoản vay.”.</i></p>
2.2	Đối tượng áp dụng	

- Ngày, tháng, năm sinh.

- Số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam.

- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

5. Thời hạn hoạt động của chương trình dự án, tài chính vi mô: (Ghi cụ thể thời hạn được chấp thuận thay đổi tại từng địa bàn theo cấp hành chính).

6. Địa bàn hoạt động: (Ghi cụ thể từng địa bàn hoạt động được chấp thuận thay đổi theo cấp hành chính).

Điều 2. Quyết định có giá trị từ ngày ký.

**THÔNG ĐỐC/
GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)